

Số: 32/2024/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bất động sản Dầu khí;

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Bất động sản Dầu khí số 31/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 08/05/2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với một số chỉ tiêu sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ hoàn thành so với kế hoạch (%)
1	2	3	4	5
I	Giá trị đầu tư phát triển	26.986	474	1,8
II	Tổng doanh thu	41.534	20.074	48
1	Doanh thu các công trình, dự án	41.234	19.273	47
1.1	Dự án 97 - 99 Láng Hạ	34.901	19.273	55
1.2	Dự án C1 Thành Công	6.333	-	-
2	Doanh thu hoạt động tài chính	300	801	267
III	Giá vốn hàng bán	25.160	20.181	80
IV	Chi phí tài chính và quản lý doanh nghiệp	7.396	4.213	57
V	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	8.978	(4.320)	
VI	Lợi nhuận khác	-	(242)	
VII	Tổng lợi nhuận trước thuế	8.978	(4.562)	

VIII	Thuế TNDN	1.796	0	-
IX	Lợi nhuận sau thuế	7.182	(4.562)	
1	Lợi nhuận phân phối cho bên liên danh	4.136	(217)	
2	Lợi nhuận sau thuế của Petrowaco	3.046	(4.345)	
X	Cổ tức	-	-	-
XI	Các khoản phải nộp ngân sách	2.470	29.666	1.201

2. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024
1	2	3	4	5
I	Giá trị đầu tư phát triển	26.986	474	14.000
II	Tổng doanh thu	41.534	20.074	52.456
1	Doanh thu các công trình, dự án	41.234	19.273	51.856
2	Doanh thu hoạt động tài chính	300	801	600
III	Giá vốn hàng bán	25.160	20.181	37.153
IV	Chi phí tài chính và quản lý doanh nghiệp	7.396	4.213	5.322
V	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	8.978	(4.320)	9.980
VI	Lợi nhuận khác	-	(242)	-
VII	Tổng lợi nhuận trước thuế	8.978	(4.562)	9.980
VIII	Thuế TNDN	1.796		1.996
IX	Lợi nhuận sau thuế	7.182	(4.562)	7.984
1	Lợi nhuận phân phối cho bên liên danh	4.136	(217)	5.429
2	Lợi nhuận sau thuế của Petrowaco	3.046	(4.345)	2.555
X	Cổ tức	-	-	-
XI	Các khoản phải nộp ngân sách	2.470	29.666	3.500

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và định hướng năm 2024.

1. Tiếp tục chủ trương thoái vốn tại Công ty CP Phát triển nhân lực, thương mại và du lịch Viwaseen; Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ; Giao cho Hội đồng quản trị

Công ty thực hiện thoái vốn tại 02 đơn vị nêu trên tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Công ty tiến hành việc chi trả cổ tức còn lại cho các cổ đông khi đảm bảo nguồn tài chính và đủ điều kiện chi trả theo quy định.

Điều 3. Thông qua Báo cáo Ban kiểm soát năm 2023.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán, với một số chỉ tiêu sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Các chỉ tiêu	Số tiền
1	2	3
I	Tổng tài sản	211.559.560.631
1	Tài sản ngắn hạn	135.205.867.757
2	Tài sản dài hạn	76.353.692.874
II	Tổng nguồn vốn	211.559.560.631
1	Nợ phải trả	136.108.637.697
2	Vốn chủ sở hữu	75.450.922.934
III	Kết quả kinh doanh	
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.273.127.879
2	Lợi nhuận trước thuế	(4.561.971.675)
3	Lợi nhuận sau thuế	(4.561.971.675)

Điều 5. Phê duyệt quyết toán thù lao, thu nhập Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) năm 2023 và thông qua dự toán 2024.

1. Quyết toán thù lao, thu nhập HĐQT, BKS năm 2023 là: 508.107.000 đồng

2. Dự toán thù lao/thu nhập của HĐQT, BKS năm 2024:

- Chủ tịch HĐQT: Tổng mức thù lao/thu nhập là: 25.700.000 đồng/tháng và được điều chỉnh, quyết toán căn cứ trên kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 3.000.000 đồng/người/tháng

- Trưởng Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 3.000.000 đồng/người/tháng

- Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/người/tháng

(Mức thù lao/thu nhập trên của HĐQT và BKS đã bao gồm thuế TNCN phải nộp theo quy định, được tính vào chi phí SXKD năm 2024).

Điều 6. Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2023.

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Giá trị
1	2	3
1	Lợi nhuận phân phối sau thuế năm 2023	(4.345.450.588)
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm trước chuyển sang	(29.732.391.272)
3	Tổng lợi nhuận chưa phân phối đến năm 2023	(34.077.841.860)
4	Trích lập các Quỹ	0
5	Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối đến 31/12/2023	(34.077.841.860)

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn danh sách các đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.

- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE);
- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một (01) đơn vị kiểm toán trong danh sách và giao Tổng giám đốc Công ty ký hợp đồng kiểm toán. Trong trường hợp các đơn vị kiểm toán trong danh sách nêu trên không tham gia kiểm toán BCTC năm 2024, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị khác trên cơ sở đáp ứng được tiêu chí đã đề ra và đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty.

Điều 8. Điều khoản thi hành.

ĐHĐCĐ giao cho HĐQT, Tổng giám đốc, BKS tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua trên cơ sở đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty, của các cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Bất động sản Dầu khí thông qua toàn văn Nghị quyết với tỷ lệ biểu quyết “Tán thành” là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự ĐHĐCĐ.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 08/05/2024.

Nơi nhận:

- Các Cổ đông (đăng website Công ty thay cho gửi thông báo tới cổ đông);
- Sở GDCKHN (để báo cáo);
- HĐQT, Ban TGD, BKS (để thực hiện);
- Người CBTT (để CBTT);
- Lưu VT, HĐQT.

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Thân Thế Sơn